



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Li Tri
Last Middle First
- Current Address 63/14/8 Lê-V-Sỹ St., P.13, Q. Phú Nhuận, T/p HCM
- Date of Birth 7-12-39 Place of Birth Ninh Thuận
- Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6-15-75 To 2-13-88
(13 yrs)
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 9/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Sĩ Tri
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Phượng Thảo	12-20-46	wife
" Sĩ Quang	4-7-68	son
" Trần Hùng	3-20-71	"
" Sĩ Hùng	1-5-72	"
" Sĩ Thông	4-22-73	"
" Thị Túy An	5-4-74	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

From: Nguyễn Sĩ Tài

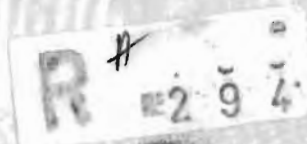
63/14/8 Lê Văn Sỹ Street - P.13. Q. Phú Nhuận
Hồ Chí Minh City - Viet-Nam.



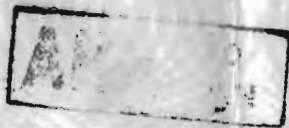
TO: Mrs K.M. THO

P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205. 0635

U.S.A



AUG 02 1988



PAR AVION VIA AIR MAIL

Saigon, ngày 12 tháng 7 năm 1988.

Kính gửi Bà Khúc Minh Đức.

Chức tịch hội cựu gia đình tù nhân chính trị Việt Nam tại Mỹ.

Kính thưa Bà; Tôi là Nguyễn Sĩ Trí
số quân: 59A/404.355. Sinh ngày 12.7.1939.
tại Kinh Dinh tỉnh Ninh Thuận. Đi học tập
cải tạo tại trại Z30D.K2. Hoàn Tản Thuận Hải
đi cải tạo ngày 15.6.1975 và thả ra khỏi
trại ngày 13.2.1988. Trong dịp tết Mậu Thìn

Kính thưa Bà; Nhân tôi được tờ
báo VNTP/ Việt Nam phát hành tại Mỹ số
295. Đã đăng danh sách 01 quân viên cựu
VNCH được thả ra trong dịp tết Mậu Thìn.
gồm có 908 người. Nhưng không có tên tôi
trong danh sách này. Theo tôi nghĩ, có
thể phần cuối của danh sách tờ báo
theo số thứ tự 919 và 959 (đi số tên 2 người)

Kính thưa Bà, vậy có thể số tên
tôi trong 2 số thứ tự trên. Tôi viết
thư này, kính nhờ bà can thiệp giúp đỡ
cho tôi được ghi danh thêm vào danh
sách trên và trường hợp chương trình
ODP.

Kính mong bà thông cảm và hiểu

cho hoàn cảnh của tôi hiện nay, để
tấm lòng giúp đỡ cho tôi. Kính chờ
mong hồi âm của bà, khi có kết quả.

Tôi và gia đình rất cảm ơn bà
nhiều!

Cải thiện: Nguyễn Trí

✓ Xin địa chỉ = Nguyễn Trí
Số 63/14/8 Lê Văn Sỹ
P13. Q. Thủ Đức - TP. Hồ Chí
Minh.

Xin đính kèm = Việt Nam.

1/ giấy ra hai

2/ Questionnaire for OPP Applicants

Huấn xin bà thay báo cho em

tôi ở địa chỉ này tốt hơn, khi

Có kết quả = THAO NGUYEN

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

--111000000000111--

IV :

Date: 12.7.1988

A. Basic identification data.-

- 1) Name . NGUYỄN-SI-TRI Sex : Male
- 2) Other names : NGUYỄN-SI-TRI
- 3) Date/Place of birth : July. 12 - 1939 - Ninh Thuận Province
- 4) Residence address. . : 63/14/8 Lê Văn Sy Street - P.13. Q. Phú Nhuận
Ho Chi Minh City, Viet Nam.
- 5) Mailing address. . . : 63/14/8. Lê Văn Sy Street - P.13. Q. Phú Nhuận
TP. Hồ Chí Minh. Viet Nam.
- 6) Current occupation :

B. Relatives to accompany me.-

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List Marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1/ Nguyễn Thị Phương Thảo	20-12-1946	Hố Xá Hà Đông	F	M	Wife
2/ Nguyễn Sĩ Lương	7.4.1968	Huế	M	S	Son
3/ Nguyễn Trần Trung	20.3.1971	Huế	M	S	Son
4/ Nguyễn Sĩ Hùng	1.5.1972	Phước Yên	M	S	Son
5/ Nguyễn Sĩ Thắng	22.4.1973	Phước Yên	M	S	Son
6/ Nguyễn Thị Tuyết An	4.5.1974	Phước Yên	F	S	Daughter

(Note: For the persons listed above we will need legible copies of Birth Certificate, Marriage Certificate (if Married), Divorce Decree (if divorced), Spouse's Death Certificate (if widowed), Identification Cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below).

C. Relatives outside Vietnam.-

- 1) Closest relative in the US.- of Myself : of my spouse
 - (a) Name :
 - (b) Relationship :
 - (c) Address. . . :
- 2) Closest relatives in the other foreign countries.-
 - (a) Name : THẢO NGUYỄN & NGUYỄN :
 - (b) Relationship : Young Brother :
 - (c) Address. . . :

Complete family listing (living/dead).

Name	Address
1. Father: Nguyễn Sĩ Ngọ (living)	227/14 Thống nhất Phamang, Ninh Thuận Province
2. Mother: Đinh Thị Nho (dead)	
3. Spouse: Nguyễn Thị Phức Thảo (living)	63/14/8 Lê Văn Sỹ - P.13, Q. Phú Nhuận
4. Former spouse (if any)	Thống nhất Hồ Chí Minh City, Việt Nam.
5. Children:	
1/ Nguyễn Sĩ Lương	số 63/14/8 Lê Văn Sỹ Street, P.13, Q. Phú Nhuận
2/ Nguyễn Trần Trung	Hồ Chí Minh City, Việt Nam.
3/ Nguyễn Sĩ Hùng	as above
4/ Nguyễn Sĩ Thống	as above
5/ Nguyễn Thị Tuy An	as above
6. Siblings:	
Nguyễn Sĩ Phúc	115/09/5 Lê Văn Sỹ Street, Phú Nhuận - Hồ Chí Minh City
Nguyễn Thị Hòa	227/14 Thống nhất Phamang - Ninh Thuận Province
Nguyễn Sĩ Thuận	as above
Nguyễn Sĩ Thảo	
Nguyễn Sĩ Đức	227/14 Thống nhất Phamang Ninh Thuận Province
Nguyễn Sĩ Ý	
Nguyễn Sĩ Dũng	227/14 Thống nhất Street, Ninh Thuận Province
Nguyễn Sĩ Châu	as above

E. Employment by US Government Agencies or other US organizations of you or your spouse.

1) Name of person employed:

2) Date : From : 1)

To :

2)

3)

4)

3) Title of (last) position held :

1)

2)

3)

4)

4) Agency/Company/Office:

1)

2)

3)

4)

5) Names of last Supervisors:

1)

2)

3)

4)

6) Reason for separation : 1)

2)

3)

4)

7) Training for job in Vietnam :

F. Service with GVN or RVNAP by you or your spouse.-

1) Name of person serving : NGUYEN SI TRI

2) Dates: From : 29. 09 - 1964

To : 30. 4. 1975

3) Last rank : MAJOR

Army Serial number: 57A/404, 355.

4) Ministry/Office/Military Unit : Thừa Thiên G2 chief and Phú Yên G2 chief Province - District chief of Phú Yên Province.

5) Names of Supervisors/C.O. : col vũ quốc gia. Phú Yên province chief

6) Reason for separation : Event April 30. 1975.

7) Names of American Advisors: captans Smith, capt Goerge, Lieut cook.

8) US Training Course in Vietnam : combat intelligence

9) US Awards or Certificates : combat intelligence in Singapore

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available ? Available ? Yes ☐ No ☒

G. Training outside Vietnam of you or your spouse.-

1) Name of student/trainee: NGUYEN SI TRI

2) School and school address: combat intelligence Singapore - Tengling officer in Singapore.

3) Dates : from : 5.12. 1965

to : 6.1 - 1966.

from :

to :

from :

to :

4) Description of course :

5) Who paid for the training ? U.S.A.

(Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available

Available ?

Yes ☐

No ☐

H. Re-education of you or your spouse.-

- 1) Name of person in re-education : NGUYEN-SI-TRI
 2) Total time in re-education : 12 years 8 months 2 days
 3) Still in re-education ? Yes ☐ No ☒
 (If released, we must have a copy of your release certificate).

I. Any additional remarks.-

I Wish to beg the Director of opp to examine my situation your assistance and intervention with the Viet Nam Authorities under auspices of the HNHC in order I and Wife and children may leave Viet Nam to go to united States of America for the purpose of seeking a new life.
 Please accept her our deeply grateful

Respectfully yours

Nguyen Si Tri



Signature:



Nguyen Si Tri

Date: 12 17 /1988

J. Please list here all documents attached to this questionnaire.-

Orderly Departure Program
 Panjabum Building, 9th Floor
 127 Sathorn Tai Road,
 Bangkok 10120. Thailand.



BỘ NỘI VỤ
Trại **phù thủy**
Số **1** /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số **639**
Hành theo công văn số **222**
2305 ngày 27 tháng 11
năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966 BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ,

Thi hành án văn, quyết định tha số **64** ngày **4** tháng **2** năm **88**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Văn Trỗi** Sinh năm 19 **39**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Thừa Thiên**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **63/14/8 Đường Nguyễn Văn Trỗi**

Can tội **Phủ nhận, T/Hồ Chí Minh**
Thiếu tá trưởng ban quân sự, bộ chỉ huy chiến thuật Q3

Bị bắt ngày **14/6/75** Án phạt **TTQT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **63/14/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, TP/HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

Anh Trỗi đã cố gắng nỗ lực trong học tập, lao động

và chấp hành nội quy cải tạo

Tiền đi đường ăn cấp đủ từ trại về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**

Trước ngày **15** tháng **2** năm **1988**

Lần tay ngôn trở phải
Của **Nguyễn Văn Trỗi**
Danh bản số _____
tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **15** tháng **2** năm **1988**

Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Số: **1** /CHSY

CHUNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường **13**

Ngày **14** tháng **5** năm **1988**

Phường **13**



Nguyễn Văn Trỗi

CA T 13 pu các nhân
nguyên ở tại Hết về đến
trình diện CA T 13

ngày 15 1988



Phạm Quang Kỳ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN SY TRI
Last Middle First

Current Address: 63/14/8 LE VAN SY, PHU NHUAN, TP. HO CHI MINH, VIETNAM

Date of Birth: JULY 12th / 1939 Place of Birth: NINH THUAN, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) MAJOR, TUY AN DISTRICT CHIEF OF PHU YEN PROV.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From JUNE 15 / 1975 To FEB 13 / 1988
Years: 12 Months: 8 Days: -

3. SPONSOR'S NAME: THAO SY NGUYEN
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>N/A.</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN-SY-TRI
(Listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)	NGUYEN THI PHUONG THAO	DEC 20/1946	WIFE
2)	NGUYEN SY QUANG	APRIL 7/1968	SON
3)	NGUYEN TRAN TRUNG	MAR. 20/1971	SON
4)	NGUYEN SY HUNG	MAY 01/1972	SON
5)	NGUYEN SY THANG	APRIL 22/1973	SON
6)	NGUYEN THI TUY-AN	MAY 4/1974	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TO: THE DIRECTOR OF THE (ODP) ORDERLY DEPARTURE
PROGRAM AMERICAN EMBASSY ODP- BOX 58 APD
SAN FRANCISCO 96345-001

SUBJECT: REQUEST FOR REFUGEE TO THE USA UNDER
THE ODP.

Dear Sir

I UNDER SIGNED: NGUYỄN-SĨ-TRỊ; PLACE, DATE, OF
BIRTH: July 12th 1939- NINH THUAN PROVINCE
MARRITAL STATUS: Married and five children

EDUCATION: finished high school

HOME ADDRESS: 63/14/8/- Lê-văn-Sỹ. Q. Phú Nhuận
HCM city Việt-Nam

MAILING ADDRESS: NGUYỄN-SĨ-THẢO
ST THOMAS, ONT, NSR

Simpson Variety
1004 Oxford Street East
London, Ontario
N5Y 3K7

CURRENT OCCUPATION: TO BE OUT OF WORK.

BEFORE APRIL 30th 1975

NAME: NGUYỄN-SĨ-TRỊ, DATE OF BIRTH: JULY 12th
1939 - NINH THUAN PROV.

SERIAL NUMBER: 59^A/404.355. RANK: MAJOR

OCCUPATION: G2 Chief of Phú Yên Sector

AFTER APRIL 30th 1975

RE. EDUCATION IN CONCENTRATION CAMPS FROM:

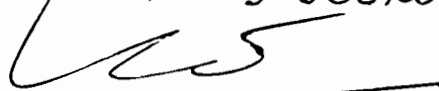
- JUNE 15th 1975

TO: FEBRUARY 13th 1988

I WISH TO BEG THE DIRECTOR OF ODP TO EXAMINE
MY SITUATION YOUR ASSISTANCE AND INTERVENTION
WITH VIETNAMESE AUTHORITIES UNDER AUSPICES
OF THE HNHCR IN ORDER I AND MY WIFE AND
CHILDREN MAY LEAVE V.N TO GO TO UNITED STATES
OF AMERICAN FOR THE PURPOSE OF SEEKING
A NEW LIFE.

PLEASE ACCEPT HER OUR DEEPLY GRATEFULL

RESPECT FULLY YOURS



NGUYỄN-SĨ-TRỊ

their authorities
(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên đây, giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy
giả-chú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy
(nếu góa phụ/góa thân), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn
không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BÔNG TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN SY TRI
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 12th 1939
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 63/14/8 LE-VAN-SY - PHU THUAN
 (Dia chi tai Viet-Nam) TP. HO CHI MINH, VIETNAM.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): JUNE 15/1975 To (Den): FEB 13/1988

PLACE OF RE-EDUCATION: VINH-PHU (BAC VIET) (NORTH VIETNAM).
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LABOUR.

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): SINGAPOR. COMBAT INTELLIGENCE (SINGAPOR 1966).

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR (THIEU TA)

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): TUYEN'S CHIEF DIRECTOR
 Date (nam): 1974-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____

I DID SENT 2 SETS OF APPLICATION FORM TO: IV Number (So ho so): _____
 1) THE ODP OFFICE 127 PANJABHUM BUILDING SATHORN TAI ROAD No (Khong): _____
 BANGKOK - 10120. AND 2) ODP AMERICAN AMBASSY (Box 58, APO SAN FRANCISCO 96346-001)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 63/14/8 LE VANSY
 PHU THUAN, TP. HO CHI MINH, VIETNAM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
 THAO-SY-NGUYEN.

CANADA

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
 CANADA.

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): OLD BROTHER.

NAME & SIGNATURE: THAO-SY-NGUYEN. 

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: MAY 15th / 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN SY TRI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) NGUYEN THI PHUONG THAO	DEC 20/1946	WIFE
2) NGUYEN SY QUANG	APR 7/1968	SON
3) NGUYEN TRAN TRUNG	MAR 20/1971	SON
4) NGUYEN SY HUNG	MAY 01/1972	SON
5) NGUYEN SY THANG	APR 22/1973	SON
6) NGUYEN THI TUY AN	MAY 4/1974	DAUGHTER.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Trại tù 600

Số /HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 88

của

Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Nguyễn sĩ Tri

Sinh năm 19 39

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 63/14/8 đường Nguyễn Văn Trỗi

Phủ Nhuan, TP/ Hồ Chí Minh

Can tội

Thiếu tá trưởng ban quân áo, bộ chỉ huy chiến thuật Q3

Bị bắt ngày

15/6/75

Án phạt

TTQT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại 63/14/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuan, TP/ HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Anh Tri đã có nhiều cố gắng trong học tập, lao động

và chấp hành nội quy cải tạo

Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi cư trú

Trước ngày 15 tháng 2 năm 1988

Lên tay ngón trở phải

Của Nguyễn sĩ Tri

Danh bìn số

p tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 2 tháng 2 năm 1988

Trưởng trại

(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

MR DIRECTOR
ADJUTANT GENERAL
DAAG / AMR / S
ALEXANDRIA, V.A 22332
- USA -

MR NGUYEN SI TRI
63/14/8 LÊ VĂN SỸ STREET P.13 PHÚ
NHUẬN DISTRICT, HO CHI MINH CITY
VIET NAM

**SUBJECT : REQUEST FOR RE-ISSUEING COPIE OF MEDAL
AWARDING VERIFICATION CERTIFICATION .**

Dear Sir ,

A/- MY BRIEF IDENTIFICATION :

- 1)- My Name : NGUYEN SI TRI .
- 2)- Date and place of birth : July 12, 1939 Ninh Thuận Province.
- 3)- Currently permanent : 63/14/8 Lê văn SỸ Street Phú Nhuận
residence : District Ho chi Minh City .
- 4)- Mailing address : as above .
- 5)- Involvement With Former regime of Viet Nam :
 - a)- Time serving in the armed Forces : From : Sept 29/61 -
To : April 30/ 75 .
 - b)- Last rank : Major Military serial number:59A/404.355 .
 - c)- Last position title held : Tuy An District chief of
Phu Yen Province .
 - d)- Time spent in Re-education : From June 15/75 to : Feb
13/88(12years , 8 months
_____ days .)

B/- THE MAIN ISSUE :

It's my privilege to submit this letter to request for your kindness of consideration to check out your old archives in 1968 to Re-issue me a copy of the general order in which my Name was listed, as the recipient of a bronze star with "V" medal signed and pinned directly by General ZAIS, commanding General of the US 24th CORPS located at Gia Lâm Base, Phu Bai, central Viet Nam, in April 1968 because the above ~~with~~ original order and then medal of mine had reportedly been lost during the Viet Nam War before 1975 .

The result of my request may be informed directly either to me or my young brother in Canada :

- NGUYEN SI TRI

Simpson Variety
1004 Oxford Street East
London, Ontario
N5Y 3K7

Meanwhile it is expected that you send the copy to the Orderly Departure Program in Bangkok Thailand to replenish my file .

Your attention to above suggestion is very highly appreciated and I am deeply grateful to you for it . Thank you very much , Sir .

Sincerely yours

NGUYEN SI TRI

DATE:

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

- 1st NAME: NGUYỄN-SĨ-TRỊ 2nd OTHER NAME: PHUONG SỸ
 3rd DATE, PLACE OF BIRTH: July 12th 1939, Ninh Thuận Province
 4th RESIDENCE ADDRESS: 63/14/8 - LÊ-VĂN-SỸ, Quận Phú Nhuận
 H.C.M. City Vietnam
 5th MAILING ADDRESS: NGUYỄN-SĨ-THẢO

6th CURRENT OCCUPATION = TO be out of WorthB. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH ME:

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	M/S	RELATION SHIP
1/ NGUYỄN-THỊ PHUONG-THẢO	DECEMBER-20 th 1946	ĐÔNG-XÃ-HẠNG	F	M	WIFE
2/ NGUYỄN-SĨ-QUANG	APRIL-7 th 1968	HUẾ	M	S	SON
3/ NGUYỄN-TRẦN-TRUNG	MARCH-20 th 1971	NINH THUAN	M	S	SON
4/ NGUYỄN-SĨ-HÙNG	MAY-1 th 1972	NHATRANG	M	S	SON
5/ NGUYỄN-SĨ-THẮNG	APRIL-22 th 1973	PHÚ YÊN	M	S	SON
6/ NGUYỄN-THỊ-TUY-AN	MAY-4 th 1974	PHÚ YÊN	F	S	DAUGHTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM: NGUYỄN-SĨ-THẢO and NGUYỄN-SĨ-ỸD. COMPLETE FAMILY LISTING = (LIVING/DEADED), ADDRESS:

- 1/ FATHER: NGUYỄN-SĨ-NGO - LIVING - 227/14 - Thống nhất, Phamang, Ninh Thuận
 Việt Nam.
 2/ MOTHER = ĐINH-THỊ-NHỎ - DEADED.
 3/ SPOUSE: NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG-THẢO - LIVING - 63/14/8 - Lê Văn Sỹ -
 Q. Phú Nhuận - Hồ Chí Minh City, V.N
 4/ CHILDREN: Five children:
 1st NGUYỄN-SĨ-QUANG, LIVING, 63/14/8 - Lê Văn Sỹ Street, Q. Phú
 Nhuận - HCM City, Việt Nam.
 2nd NGUYỄN-TRẦN-TRUNG - LIVING, 63/14/8 - Lê Văn Sỹ Street.
 Quận Phú Nhuận - HCM City Việt Nam.
 3rd NGUYỄN-SĨ-HÙNG - LIVING - Address the same above
 4th NGUYỄN-SĨ-THẮNG - LIVING - The same above address
 5th NGUYỄN-THỊ-TUY-AN - LIVING - The same above Address

6) SIBLINGS = NGUYEN SI PHAT = 115/69/5 Li Van Sy - 115/69/5 H.C.T. 115
NGUYEN THI HA } Address the same above
NGUYEN SI THUAN }
NGUYEN SI THAO = 458 ENCL. ST. ST THOMAS. CNT. NSR. 1K4 - CANADA -
E. - EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE = NO.

F. - SERVICE WITH GUN OR BY RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE =

1) NAME: NGUYEN SI TRI, SN: 59A/404,355.

2) DATE FROM: Sept - 29th - 1961 to April 30th - 1975

3) LAST RANK: MAJOR

4) MINISTRY (OFFICE) MILITARY UNIT: - Battalion 2 chief of 2nd Battalion

Reg 51/25 Division - (1962 - 1965)

- Thua Thien Sector G2 Chief (1966 - 1970)

- 101 Unit - General Staff 62 of Vietnamese armed forces (1971 - 1972)

- Phu Yen Sector G2 Chief (1972 - 1974)

- Tuy An District chief of Phu Yen Province (1974 - 1975)

5) NAME OF SUPERVISION / C.O. =

(1962 - 1963) COL. Lu Lan 25th Division Commander

(1964 - 1965) GENERAL Phan Hong Chinh 25th Division Commander

(1965 - 1968) COL. PHAN VAN KHOA - Province chief

(1968 - 1970) COL. LE VAN THANH - Province chief

(1970 - 1972) COL. LE DINH LUAN - 101 Unit Chief

(1972 - 1974) COL. VU QUOC GIA Province chief

6) REASON FOR LEAVING = COLLAPSE OF APRIL 30th - 1975

7) NAME OF AMERICAN ADVISOR = CAPT. SMITH ADVISOR TEAM CHIEF OF THUA THIEN SECTOR G2 (1965 - 1967) -

- CAPT. ROGER - ADVISOR TEAM CHIEF OF THUA THIEN SECTOR G2 (1968 - 4)

- LT. COCK ^{ASSISTANT} - ADVISOR TEAM CHIEF OF THUA THIEN SECTOR G2

BISPE, I CAN'NT REMEMBER THE OTHER US ADVISORS

8) US TRAINING COURSES IN VIETNAM = COMBINE INTELLIGENCE
COURSE OF CAM MAI SCHOOL 1967 (BRONZE STAR 1968 Full General Zais)

G. - TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE.

- COMBAT INTELLIGENCE (SINGAPORE 1966) All Document I was desire

H RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1) NAME OF PERSON IN RE-EDUCATION = NGUYEN SI TRI

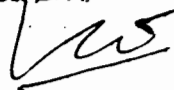
2) TIME IN RE-EDUCATION = FROM - JUNE 15th - 1975

TO = FEBRUARY 13th 1988

TOTAL = 12 YEARS 9 MONTHS

DATE = FEBRUARY - 20th 1988

SIGNATURE



NGUYEN SI TRI.

ATTACH HERE WITH =

1) BIRTH CERTIFICATE OF MY FAMILY

2) ABSTRACT OF MARRIAGE CERTIFICATE

3) RELEASED CERTIFICATE (PHOTOCOPY)

fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : TRỊ NGUYỄN-SĨ Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : PHƯƠNG SỸ
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : JULY 12th 1939 - NINH THUAN PROVINCE
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 63/14/8, LÊ VĂN SỸ, Q. PHÚNHUẬN, HỒ-CHÍ MINH CITY VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : NGUYỄN-SĨ-THẢO
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : I AM OUT OF WORK

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đì
1. <u>THẢO, NGUYỄN-THỊ PHƯƠNG</u>	<u>1946</u>	<u>HỒ ĐÔNG</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>QUANG, NGUYỄN-SĨ</u>	<u>1968</u>	<u>HUẾ</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
3. <u>TRUNG, NGUYỄN-TRẦN</u>	<u>1971</u>	<u>NINH THUAN</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
4. <u>HÙNG, NGUYỄN-SĨ</u>	<u>1972</u>	<u>NHATRANG</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
5. <u>THÁNH, NGUYỄN-SĨ</u>	<u>1973</u>	<u>PHUYỀN</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
6. <u>TUYAN, NGUYỄN-THỊ</u>	<u>1974</u>	<u>PHUYỀN</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : CAPT SMITH ADVISOR and CAPT ROGER.

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam : COMBINE INTELLIGENCE COURSE OF CAU MAI SCHOOL
COMBINE INTELLIGENCE SINGAPORE

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: BRONZE STAR "V" Ngày nhận: 1968.

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
available? Yes No.)

CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

- Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: TRỊ NGUYỄN-SĨ
- School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : TANLEINA OFFICER (COMBINE INTELLIGENCE SCHOOL
SINGAPORE)
- Dates:
Ngày, tháng, năm From To
Từ: VU NAM Đến: SINGAPORE
FEBRU - 1966 SEPT - 1966
- Description of Courses
Mô-tả ngành học : COMBINE INTELLIGENCE
- Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : ENGLAND (ENGLAND)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No NON
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không NON)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

- Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : TRỊ - NGUYỄN-SĨ
- Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: JUNE 15th 1975 Đến: FEBRUARY 13th 1988
- Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Không NON

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

I wish to beg the Director of ODP to examine my situation
your assistance and intervention with Viet Nam authorities
under auspices of the HNTCC in order I and my wife and
children may leave Viet Nam to go to United States of America
for the purpose of seeking a new life.

Signature

Ký tên : [Signature]

Date

Ngày: FEBRUARY 20th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này ALL DOCUMENTS I WAS DESTROYED

- 1 photo copy - Released certificate
- All my birth certificate of my family
- our married certificate
- all our photos.

Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

: NON

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

:

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: Y NGUYEN-SI

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: THAO NGUYEN-SI

: MY BROTHERS

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead) / Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: NGO NGUYEN-SI LIVING

2. Mother

Mẹ

: KHO DINH THI DEAD

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: THAO NGUYEN-THI PHUONG

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

: NON

5. Children

Con cái:

(1)

QUANG NGUYEN-SI

(2)

TRUNG NGUYEN-TRAN

(3)

HUNG NGUYEN-SI

(4)

THANH NGUYEN-SI

(5)

TUAN NGUYEN-THI

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

PHAT NGUYEN-SI

(2)

HOA NGUYEN-THI

(3)

THUAN NGUYEN-SI

(4)

THAO NGUYEN-SI

(5)

DUC NGUYEN-SI

(6)

SI NGUYEN-SI

(7)

HA NGUYEN-THI

(8)

DUC NGUYEN-SI

(9)

THAN NGUYEN-SI

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

SỞ TƯ - PHÁP

Ngày 11 tháng 4

CHỨNG-CHỈ

KHAI-SANH SỐ 1281



Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng tư
ày mười một hồi chín giờ sáng
Chúng tôi Phan-Huy-Thạch Chánh án Tòa

phân-giải rộng-quyền tỉnh Ninh-Thuận ngồi tại văn phòng.

Có Lục-sự Tư-Công-Xuân giúp việc.

Đương sự Nguyễn-Sĩ-Ngo 40 tuổi, căn-cước.

của: Nguyễn-Sĩ-Tri số A/OI4I9 cấp tại Phan-Thiết ngày 31-8-1955

ngụ tại Làng Kinh-Dinh, Tỉnh Ninh-Thuận

đã đến hầu Tòa và có dẫn các người chứng sau đây :

1) O. Trương-thượng-Dự 45 tuổi, C.C. số 12/A/I00

cấp tại xã Kinh-Dinh ngày 3-8-1955 ngụ tại Kinh-Dinh

2) O. Lê-Hay 51 tuổi, C.C. số 03/A/I044

cấp tại Kinh-Dinh ngày 4-8-1955 ngụ tại Kinh-Dinh

3) O. Nguyễn-Kể 65 tuổi, C.C. số 0/95/A/I211

cấp tại xã Kinh-Dinh ngày 8-8-1955 ngụ tại Kinh-Dinh

Các người chứng đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên :

NGUYỄN-SĨ-TRI (con trai) sinh ngày mười hai tháng bảy
năm một ngàn chín trăm ba mươi chín (12-7-1939) sinh
tại làng Kinh-Dinh Tỉnh Ninh-Thuận, con của ông Nguyễn
sĩ-Ngo, 40 tuổi, và bà Đinh-thị-Nhỏ (chết) vợ chánh, đều
ở làng Kinh-Dinh Tỉnh Ninh-Thuận.

Và duyên cớ y không thể sao lục khai-sanh được là vì
thôn Kinh-Dinh thất lạc hộ-tịch do thời cuộc chiến-tranh

Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thế vì
khai-sanh này cho người đứng xin là Nguyễn-Sĩ-Ngo
chiếu theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lục-sự sau khi đọc
lại bản này.

Trước bạ tại Nha-Trang

Ngày 18 tháng 4 năm 1957.

Q. 1 tờ 96 S. 20711

Niên thức

Ký tên: Nguyễn Văn Quý

Lục-sự,

Ký tên, Tư Công Xuân

Đương-sự và nhân-chứng ký tên,

Chánh-án,

Ký tên, Phan Huy Thạch

NGO DUY HAY KỂ



SAO Y CHÁNH BẢN:
Phan-Rang, ngày 11 tháng 6 năm 1961.

Chánh-lục-sự,

KHA-VĂN-EM

Lệ-phí bản sao khai-sanh 5\$

N-Đ. số 256 T.P.

ngày 18-7-1956



NG - HOÀ
PHÁP
NAM - PHẦN
- GIẢI
N

Lục sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số : **5437** (1)

HEBT/5

Ngày **12** tháng **3** năm 19 **59**(1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Năm một ngàn chín trăm **59** ngày **12** tháng **3** hồi **10** giờ

Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN VĂN DOANH**, Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
PHẠM VĂN MẠNH, phụ - tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— **TRAN THUNG TIN**

2.— **VU THI THUẬN**

3.— **PHÙNG THI VINH**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO (nữ)

sinh ngày **20-12-1946** tại **ĐỒNG XÃ, HẢI ĐỒNG**, con của
NGUYỄN HOẠT và **NGUYỄN THỊ GIỰU**;

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

Nguyễn thị Giấu
sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 3.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,



Saigon, ngày

26 tháng **10** năm 19 **60**

CHÁNH - LỤC - SỰ,

GIÁ TIỀN : 5\$00

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



KAM SANH

Họ và tên họ	NGUYỄN-SỸ-QUANG
Phân	Nam
Sinh:	Mùng bảy tháng tư năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm)	sáu mươi tám (07/4/1968)
Với	Phường Phú-Ninh, Quận BA THỊ XÃ Hố
Cha:	NGUYỄN-SỸ-TRI
(Họ và tên)	
Tuổi:	Mười chín tuổi (29)
Nghề nghiệp:	Quân-Nhân
Cơ-ở tại:	Phường Phú-Ninh Quận BA THỊ XÃ Hố
Mẹ:	NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG-THẢO
(Họ và tên)	
Tuổi:	Mười bốn tuổi (24)
Nghề nghiệp:	Nội trợ
Cơ-ở tại:	Phường Phú-Ninh Quận BA THỊ XÃ Hố
Vợ:	Quân
(Chức hay thế)	
Người khác:	NGUYỄN-SỸ-TRI
(Họ và tên)	
Tuổi:	Mười chín tuổi (29)
Nghề nghiệp:	Quân-Nhân
Cơ-ở tại:	Phường Phú-Ninh Quận BA THỊ XÃ Hố
Ngày khai:	Mười một, tháng tư, năm một ngàn chín trăm
	sáu mươi tám (11/4/1968)
Người chứng thư:	HOÀNG-VAN-OL
(Họ và tên)	
Tuổi:	Bốn mươi tuổi (40)
Nghề nghiệp:	Quân-Nhân
Cơ-ở tại:	KBC 4.699
Người chứng thư:	TUÂN-TẬP
(Họ và tên)	
Tuổi:	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề nghiệp:	Quân-Nhân
Cơ-ở tại:	KBC 4.699

Kam ở Phường Phú-Ninh 19 68
Người khai: NGUYỄN-SỸ-TRI
Huê. ng. 10 tháng 1 năm 1968
Ủy-Viện Hồ-Lợi Quân Ba
NGUYỄN-SỸ-TRI
QUẬN-TRƯỞNG
XÃ HỐ - QUẬN BA
Nhiệm vụ:
- HOÀNG-VAN-OL
- TUÂN-TẬP
NGUYỄN-SỸ-TRI NGUYỄN-SỸ-TRI

TỈNH MINH-THUAN

QUẬN THANH-HẢI

XÃ KHÁNH-HẢI

Số hiệu 123/71



KHAI SANH

Tên họ ấu nhi NGUYỄN-TRẦN-TRUNG

Phái NAM

Sanh (ngày tháng năm) 20.03.1971

Hai-mươi tháng ba, năm một ngàn chín-trăm bảy mươi mốt
Tại Xã Khánh-Hải, Quận Thanh-Hải, Tỉnh Minh-Thuan.

Cha (tên họ) NGUYỄN-SĨ-TRỊ

Tuổi 32 tuổi

Nghề nghiệp Quan-Nhan

Cư trú tại KSC.4463

Mẹ (tên, họ) NGUYỄN-THỊ-THƯƠNG-THẢO

Tuổi 25 tuổi

Nghề nghiệp Hai-trư

Cư trú tại Hình-Chủ, Khánh-Hải, Thanh-Hải, Minh-Thuan.

Vợ (chánh hay thứ) Chánh

Người khai (tên họ) NGUYỄN-SĨ-TRỊ

Tuổi 32 tuổi

Nghề nghiệp Quan-Nhan

Cư trú tại KSC.4463

Ngày khai 30. 03. 1971

Người chứng thứ nhất (tên họ) BÙ-VĂN-THUAN

Tuổi 28 tuổi

Nghề nghiệp Quan-Nhan

Cư trú tại KSC. 7.021

Người chứng thứ nhì (tên họ) NGUYỄN-KHÁC-THƯỜNG

Tuổi 51 tuổi

Nghề nghiệp Làm-biên

Cư trú tại Hình-Chủ

TRẠCH-LỘC-Y-BẢN-CHÁNH

MINH-CHỦ SỞ S. 3.1971

ỦY-VIÊN HỒ-TỊCH XÃ KHÁNH-HẢI

NGUYỄN-HỒNG-THANH

Làm tại Xã KHÁNH-HẢI ngày 30 tháng 03 năm 1971

Người khai,
NGUYỄN-SĨ-TRỊ
KÍ-TÊN

Hộ lại,
NGUYỄN-HỒNG-THANH
KÍ-TÊN VÀ DẤU

Nhân chứng
BÙ-VĂN-THUAN.
KÍ-TÊN
NGUYỄN-KHÁC-THƯỜNG
KÍ-TÊN



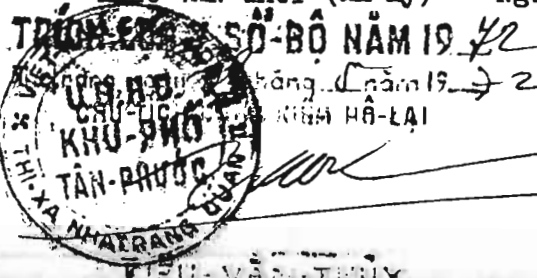
536

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI	NGUYEN-SI-HUNG
Phái	Nam
Sinh <u>ngay mot thang nam nam mot ngan chin tram bay moi hai</u> (Ngày, tháng, năm)	OI-5 1972
Tại	6 Co-Bac NhaTrang
Cha (Tên, họ)	NGUYEN-SI-TRI
Tuổi	1939
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	KBC- 3936
Mẹ (Tên, họ)	NGUYEN-THI-PHUONG-THAO
Tuổi	1946
Nghề-nghiep	noi-tro
Cư - trú tại	6 Co-Bac NhaTrang
Vợ chánh hay thứ	Chanh
Người khai (Tên, họ)	NGUYEN-SI-TRI
Tuổi	193 9
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	KBC-3936
Ngày khai	ngay 5 thang 5 nam 1972
Người chứng thứ nhất (Tên, họ)	Vu-ngoc-Bien
Tuổi	1943
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	Kbc- 3936
Người chứng thứ nhì (Tên, họ)	Nguyen-ngoc-Hanh
Tuổi	1950
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	KBC-3936

Làm tại Xã Khu-Pho Tan-Phuoc, ngày 05 - 5 năm 1972

NGƯỜI KHAI, HỘ - LẠI, NHÂN CHỨNG,
Nguyen-si-Tri (ky ten) Chu-Tich Khu-Pho Kiem ho lai Vu-ngoc-Bien (ky ten)
KIEU-VAN-THUY (an ky) Nguyen-ngoc-Hanh(ky ten)



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh: PHÚ-YÊN

Quận: TUY-HÒA

Xã: TUY-HÒA

Phường: _____

Số hiệu: 2029

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 24 tháng 4 năm 1973.



Tên họ đứa trẻ: NGUYỄN - SĨ - TRĂNG

Con trai hay con gái: Con trai,

Ngày sanh: hai mươi hai, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi ba (22 - 04 - 1973).

Nơi sanh: Bình lợi, Tuy-hòa, Phú-yên,

Tên họ người cha: Nguyễn-sĩ-Tri

Tên họ người mẹ: Nguyễn-thị-phương-Thảo

Vợ chánh hay không: Vợ Chánh

Có hôn-thú: Có hôn thú

Tên họ người đứng khai: Nguyễn-sĩ-Tri

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Tuy-hòa Ngày 24 tháng 4 năm 1973

Xã TRƯỞNG KIỂM HỘ-TỊCH
TUY-BÀN HÀNH CHÁNH
Xã TUY-HÒA

Bùi Khoa

MIỄN LỆ-PHÍ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh: PHÚ-YÊN

Quận: TUY-HÒA

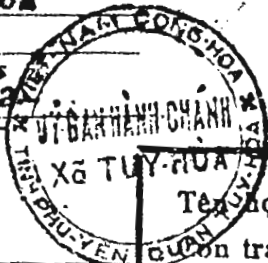
Xã: TUY-HÒA

Phường: 932

Số hiệu: 932

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 07 tháng 5 năm 1974.



Tên họ đưa trẻ: NGUYỄN TỊ TUY-AN

Con trai hay con gái: NỮ

Ngày sanh: Ngày bốn tháng Năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư (04/05/1974)

Nơi sanh: Bình-Phủ, Tuy-hòa, Phú-yên

Tên họ người cha: Nguyễn Văn-Tri

Tên họ người mẹ: Nguyễn thị Phương-Thảo

Vợ chánh hay không: vợ chánh

Có hôn-thu: có 35 lập ngày 14-08-1966 tại Phường Phú-Vinh

Tên họ người đứng khai: Lưu-Văn-Nghân

MIỄN LỆ PHẢI

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 5 năm 1974
ở trung tâm Hộ-tịch



Nguyễn Văn Hùng

Tên, họ cha vợ

Nguyễn Văn-Tri

(sống)

Nguyễn thị Phương-Thảo

(sống)

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỈNH HAY THÀNH PHỐ
THI-XA-HUẾ
QUẬN: HUẾ-NGÂN
XÃ: PHƯỜNG PHU-VINH

TRÍCH-LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Số hiệu: 35

Tên, họ người chồng NGUYỄN SĨ-TRI

nghề-nghiep Quân-Nhân

sinh ngày mười hai tháng bảy năm 1939

tại Vinh-Dinh, Tỉnh Ninh-Thuận Phan-Rang

cư-sở tại Hương-Quán, Hương-Trà, Thừa-Thiên

tạm-trú tại Số 2 Đường Lê-Lợi, Cu-Xá Viện Đại-Học, Huế

Tên, họ cha chồng Nguyễn Sĩ-Ngo (Sống)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng Đinh thị-Minh (Chết)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ Nguyễn thị Phương-Thảo

nghề-nghiep Học-Sinh

sinh ngày Mươi tháng mười hai năm 1946

tại Đông-Xá, Hà-Dông, Bắc-Việt .

Số: 280 /CNSV.

CHUNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trích từ HỌ TÊN: Phương 13

Ngày 10 tháng 3 năm 1968

Phường 13/PN.

cư-sở tại -nt-

tạm trú tại Số 2 Đường Lê-Lợi, Cu-Xá Viện Đại-Học, Huế

Tên, họ cha vợ Nguyễn-Hoạt (Sống)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ Nguyễn thị-Giàu (Sống)

(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới Mươi bốn, tháng tám, năm 1966

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế Không

ngày / tháng / năm /

tại /

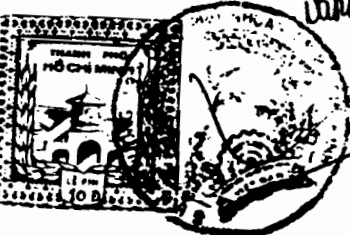
Trích y bản chính

Phường Phú-Vinh, ngày 14 tháng 8 năm 1968

Viên chức Hợp-tịch



ĐO - ĐCNG



Trần Thái Hoàng

BẢNG DANH SÁCH GIA ĐÌNH

mua ☒
 vườn ☐
 đậu ☐

Ông/Bà NGUYỄN - SĨ - TRI
 Nhà số : 63/4/8 Trương-minh-Ký.-Tổ đoàn kết : 12 .-Vùng : 4
 Khóm : 1 -PHƯỜNG TÂY BA. - QUẬN PHÚ-NHUẬN. GIA ĐỊNH .

Họ và tên	Nam -/Nữ	Ngày và năm sinh	Nguyên quán	Trình-độ văn-hóa	Tôn- giáo	NGHỀ - NGHIỆP		Liên-hệ gia-đình	CƯỚC - CHỮ
						Trước ngày 30/04/1975	Hiện nay		
NGUYỄN - SĨ - TRI	Nam	12-7-1934	Ninh Thuận	Lớp 12	Phật	Quân Nhân	đi học lớp	Chồng	
NGUYỄN THỊ - PHƯƠNG-THAM	Nữ	20-10-1946	hà đông (B. Việt)	Lớp 10	-	dau len miền	khô có len đan	U. S.	
NGUYỄN-SĨ - QUANG	Nam	7-4-1968	Ninh Thuận	Lớp 2	-	học sinh	học sinh	Con	
NGUYỄN - TRẦN - TRUNG	Nam	20-3-1971	Ninh Thuận	Mẫu Giáo	-	-	-	-	
NGUYỄN - SĨ - HÙNG	Nam	1-5-1973	-	-	-	-	-	-	
NGUYỄN - SĨ - THẮNG	Nam	22-4-1973	-	Chưa đi học	-	-	-	-	
NGUYỄN - THỊ - TUY-AN	Nữ	4-5-1974	-	-	-	-	-	-	

LỚP TUỔI	NAM	NỮ
Từ 01 đến 15 tuổi	4	1
Từ 16 đến 28 tuổi		
Từ 29 đến 49 tuổi	1	1
Từ 50 tuổi sắp lên		

TRƯỞNG VÙNG

Trương Vùng

Thành-phố Hồ-Chí-Minh, ngày 16 tháng 11 năm 1975
 TỔ-TRƯỞNG TỔ ĐK. (Ký tên)
 K.T GIA-TRƯỞNG (Ký tên)

Trương Văn Giàu

Nguyễn Thị Phương Thảo

DATE:

A. BASIC IDENTIFICATION DATA :

- 1st NAME : NGUYỄN-SĨ-TRÍ 2nd OTHER NAME : PHUÔNG SỸ
 3rd DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 12th 1939, Ninh Thuận Province
 4th RESIDENCE ADDRESS : 63/14/8 - LÊ-VĂN-SỸ, Quận Phú Nhuận
 H.C.M. City Vietnam
 5th MAILING ADDRESS : NGUYỄN-SĨ-THẢO

6th CURRENT OCCUPATION = TO be out of WorthB. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH ME :

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	Sex	M/S	RELATION SHIP
1/ NGUYỄN-THỊ PHUÔNG-THẢO	DECEMBER-20 th 1946	ĐÔNG XÃ-HÀ ĐÔNG	F	M	WIFE
2/ NGUYỄN-SĨ-QUANG	APRIL-7 th 1968	HUẾ	M	S	SON
3/ NGUYỄN-TRẦN-TRUNG	MARCH-20 th 1971	NINH THUAN	M	S	SON
4/ NGUYỄN-SĨ-HÙNG	MAY-1 th 1972	NHATRANG	M	S	SON
5/ NGUYỄN-SĨ-THẮNG	APRIL-22 th 1973	PHÚ YẾN	M	S	SON
6/ NGUYỄN-THỊ-TUY-AN	MAY-4 th 1974	PHÚ YẾN	F	S	DAUGHTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM : NGUYỄN-SĨ-THẢO and NGUYỄN-SĨ-Ỹ,D. COMPLETE FAMILY LISTING = (LIVING/DEADED), ADDRESS:

- 1/ FATHER : NGUYỄN-SĨ-NGO - LIVING - 227/14 - Trống Nhất, Phạm Văn, Ninh Thuận
 Việt Nam.
 2/ MOTHER = ĐINH-THỊ-NHỎ - DEADED -
 3/ SPOUSE : NGUYỄN-THỊ-PHUÔNG-THẢO - LIVING - 63/14/8 - Lê Văn Sỹ -
 Q. Phú Nhuận - Hồ Chí Minh City, V.N.
 4/ CHILDREN : Five childrens:
 1st NGUYỄN-SĨ-QUANG, LIVING, 63/14/8 - Lê Văn Sỹ Street, Q. Phú
 Nhuận - HCM City, Việt Nam.
 2nd NGUYỄN-TRẦN-TRUNG - LIVING, 63/14/8 - Lê Văn Sỹ Street.
 Quận Phú Nhuận - HCM City Việt Nam.
 3rd NGUYỄN-SĨ-HÙNG - LIVING - Address the same above
 4th NGUYỄN-SĨ-THẮNG - LIVING - The same above address
 5th NGUYỄN-THỊ-TUY-AN - LIVING - The same Above Address

6) SIBLINGS = NGUYEN SI PHAT = 115/69/5 Le Van Sy - 8/2/51 H.C.T. 009
NGUYEN THI HA
NGUYEN SI THUAN } Address the same above
NGUYEN SI YU
NGUYEN SI THAO = 958. ENCL. ST. ST THOMAS. CNT. NSR. 1K4 - CANADA -
E. - EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE = NO.

F. - SERVICE WITH GUN OR BY RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE =

1) NAME: NGUYEN SI TRI, SN: 59A/404,355.

2) DATE FROM: Sept - 29th 1961 to April 30th 1975

3) LAST RANK: MAJOR

4) MINISTRY (OFFICE) MILITARY UNIT: - Battalion S2 chief of 2nd Battalion

Reg 51/25 Division - (1962 - 1965)

- Thừa Thiên Sector G2 Chief (1966 - 1970)

- 101 Unit - General Staff 62 of Viet Nameese armed forces (1971 - 1972)

- Phu Yen Sector G2 Chief (1972 - 1974)

- Tuyan District chief of Phu Yen Province (1974 - 1975)

5) NAME OF SUPERVISION / CO =

(1962 - 1963) COL. Lu Lan 25th DIVISION COMMANDER

(1964 - 1965) GENERAL Phan Trong Chinh 25th DIVISION COMMANDER

(1965 - 1968) COL. PHAN VAN KHOA - Province chief

(1968 - 1970) COL. LE VAN THANH - Province chief

(1970 - 1972) COL. LE DINH LUAN - 101 UNIT chief

(1972 - 1974) COL. Vu - Quoc Gia Province chief

6) REASON FOR LEAVING = COLLAPSE OF APRIL 30th 1975

7) NAME OF AMERICAN ADVISOR = CAPT. SMITH ADVISOR TEAM CHIEF OF

THUA THIEN SECTOR G2 (1965 - 1967) -

CAPT. J. ROGER - ADVISOR TEAM CHIEF OF THUA THIEN SECTOR G2 (1968 - 41)

LT. COCK - ASSISTANT ADVISOR TEAM CHIEF OF THUA THIEN SECTOR G2

BISPE, I CAN'ONT REMEMBER THE OTHER US ADVISORS.

8) US TRAINING COURSES IN VIETNAM = COMBINE INTELLIGENCE
COURSE OF CAM HAI SCHOOL 1967 (BRONZE STAR) 1968 Full general 2215.

G. - TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE.

- COMBAT INTELLIGENCE (SINGAPORE 1966) All document I was destroyed

H RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1) NAME OF PERSON IN RE-EDUCATION = NGUYEN SI TRI

2) TIME IN RE-EDUCATION = FROM - JUNE 15th 1975

TO - FEBRUARY 13th 1988

TOTAL = 12 YEARS 9 MONTHS

DATE = 20 FEBRUARY - 20th 1988

SIGNATURE

NGUYEN SI TRI

ATTACH HERE WITH =

1) BIRTH CERTIFICATE OF MY FAMILY

2) ABSTRACT OF MARRIAGE CERTIFICATE

3) RELEASED CERTIFICATE (PHOTOCOPY)

fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : TRỊ NGUYỄN-SĨ Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : PHUÔNG SỸ
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : JULY 12th 1939 - NINH THUAN PROVINCE
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 63/14/8, LE VAN SY Q. PHU THUAN, HO CHI MINH CITY VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : NGUYỄN-SĨ-THẢO, THAS, ONT, N5R, 1K4, CANADA
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : I AM OUT OF WORK.

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đì
1. <u>THẢO, NGUYỄN-THỊ PHUÔNG</u>	<u>1946</u>	<u>HUỖNG</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>QUANG, NGUYỄN-SĨ</u>	<u>1968</u>	<u>HUẾ</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
3. <u>TRUNG, NGUYỄN TRẦN</u>	<u>1971</u>	<u>NINH THUAN</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
4. <u>HUNG, NGUYỄN SĨ</u>	<u>1972</u>	<u>NHATRANG</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
5. <u>THẮNG, NGUYỄN SĨ</u>	<u>1973</u>	<u>PHUYEN</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
6. <u>TUYAN, NGUYỄN-THỊ</u>	<u>1974</u>	<u>PHUYEN</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

: NON

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

:

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: Y NGUYEN-SI

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: THAO NGUYEN-SI

: MY BROTHERS

c. Address

Địa-chỉ

THOMAS

CANADA

D. Complete Family Listing (Living/Dead) / Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: NGO NGUYEN-SI LIVING

2. Mother

Mẹ

: KHO DINH THI DEAD

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: THAO NGUYEN-THI-PHUONG

4. Former Spouse (if any),

Vợ/Chồng trước (nếu có):

NON

5. Children

Con cái:

(1)

QUANG NGUYEN-SI

(2)

TRUNG NGUYEN-TRAN

(3)

HUNG NGUYEN-SI

(4)

THANH NGUYEN-SI

(5)

TUAN NGUYEN-THI

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

PHAT NGUYEN-SI

(2)

HOA NGUYEN-THI

(3)

THUAN NGUYEN-SI

(4)

THAO NGUYEN-SI

(5)

DUC NGUYEN-SI

(6)

SI NGUYEN-SI

(7)

HA NGUYEN-THI

(8)

DUNG NGUYEN-SI

(9)

THAN NGUYEN-SI

7. Names of American Advisor(s):

Họ tên cô-văn Mỹ :

CAPT SMITH ADVISOR and CAPT ROGER.

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam

COMBINE INTELLIGENCE COURSE OF CAI MAI SCHOOL
COMBINE INTELLIGENCE SINGAPORE

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen: BRONZE STAR "V"

Date received:

Ngày nhận: 1968.

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
available? Yes No.)

CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

TRÍ NGUYỄN-SI

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường : TANLEINA OFFICER (COMBINE INTELLIGENCE SCHOOL
SINGAPORE)

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ:

VU NAM

Tới:

SINGAPORE

FEBRU - 1966

SEPT - 1966

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

COMBINE INTELLIGENCE

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

ENGLAND (ENGLAND)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No NON)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không NON)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

TRÍ - NGUYỄN-SI

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ:

JUNE 15th 1975

Tới:

FEBRUARY 13th 1988

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

NON

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

I wish to beg the Director of ODP to examine my situation
your assistance and intervention with Viet Nam authorities
under auspices of the HNHCR in order I and My Wife and
children may leave Viet Nam to go to United States of American
for the purpose of seeking a new life.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày :

FEBRUARY 20th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

ALL DOCUMENTS I WAS DESTROYED

- 1 photo copy - Released certificate
- All my birth certificate of my family
- our married certificate
- all our photos.

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

SỞ TƯ - PHÁP

Ngày 11 tháng 4

CHỨNG-CHỈ

KHAI-SANH SỐ 1281



Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng tư
ày mười một hồi chín giờ sáng
Chúng tôi Phan-Huy-Thạch Chánh án Tòa
á-giải rộng-quyền tỉnh Ninh-Thuận ngồi tại văn phòng.

Có Lực-sự Tú-Công-Xuân giúp việc.
Đương sự Nguyễn-Sĩ-Ngo 40 tuổi, căn-cước.

của: Nguyễn-Sĩ-Tri số A/OI4I9 cấp tại Phan-Thiết ngày 31-8-1955

ngụ tại Làng Kinh-Dinh, Tỉnh Ninh-Thuận

đã đến hầu Tòa và có dẫn các người chứng sau đây :

1) O. Trương-thượng-Dụ 45 tuổi, C.C. số 12/A/I00
cấp tại xã Kinh-Dinh ngày 3-8-1955 ngụ tại Kinh-Dinh

2) O. Lê-Hay 51 tuổi, C.C. số 03/A/I044
cấp tại Kinh-Dinh ngày 4-8-1955 ngụ tại Kinh-Dinh

3) O. Nguyễn-Kể 65 tuổi, C.C. số 0/95/A/I211
cấp tại xã Kinh-Dinh ngày 8-8-1955 ngụ tại Kinh-Dinh

Các người chứng đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên :

NGUYỄN-SĨ-TRI (con trai) sanh ngày mười hai tháng bảy
năm một ngàn chín trăm ba mươi chín (12-7-1939) sanh
tại làng Kinh-Dinh Tỉnh Ninh-Thuận, con của ông Nguyễn
Sĩ-Ngo, 40 tuổi, và bà Đinh-thị-Nhỏ (chết) vợ chánh, đều
ở làng Kinh-Dinh Tỉnh Ninh-Thuận.

Và duyên cớ y không thể sao lục khai-sanh được là vì
thôn Kinh-Dinh thất lạc hộ-tịch do thời cuộc chiến-tranh

Máy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thệ vì
khai-sanh này cho người đứng xin là Nguyễn-Sĩ-Ngo
chiếu theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lực-sự sau khi đọc
lại bản này.

Trước bạ tại Nha-Trang

Ngày 11 tháng 4 năm 1957

Q. 1 tờ 96 số 2077

Niên thức

Ký tên: Nguyễn Văn Quang

Lực-sự,

Chánh-án,

Ký tên, Tú Công Xuân

Ký tên, Phan Huy Thạch

Đương-sự và nhân-chứng ký tên,

NGO DUY HAY KỂ

SAO Y CHÁNH BẢN :

Phan-Rang, ngày 11 tháng 6 năm 1961.

Chánh-lực-sự,



Lệ-phí bản sao khai-sanh 5\$

N-Đ. số 256 T.P.

ngày 18-7-1956

KHA-VĂN-EM



NG - HOA
PHÁP
NAM - PHẦN
- GIẢI
Đ N

Lục sao y bản chánh để lại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số : **5437** (1)

HEBT/5

Ngày **12** tháng **3** năm 19 **59**(1)

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Năm một ngàn chín trăm **59** ngày **12** tháng **3** hồi **10** giờ

Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN VĂN DOANH**, Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
PHẠM VĂN MẠNH, phụ - tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— **TRẦN THUNG TIN**

2.— **VU THỊ THUẬN**

3.— **PHÙNG THỊ VINH**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO (nữ)

sinh ngày **20-12-1946** tại **Đông Xã, Hà Đông**, con của
NGUYỄN HOẠT và **NGUYỄN THỊ GIẬU**,

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

Nguyễn thị Giậu
sự giao thông gián đoạn.

không có thẻ xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 3.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Salgon, ngày

26 tháng **10** năm 19 **60**

CHÁNH - LỤC - SỰ,



GIÁ TIỀN : 5\$00

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



KHAI SÁCH

Họ và tên in nhỏ: **NGUYỄN-SĨ-QUANG**
Họ: **Ng**
Số: **Mùng bảy tháng tư năm một ngàn chín trăm**
(Ngày, tháng, năm) **sau mươi tám (07/4/1968)**
Vợ: **Phượng Phú-Ninh, Quận BA THỊ XÁ Hố**
Chợ: **NGUYỄN-SĨ-TRÍ**
(Họ và tên)
Tuổi: **Mai mười chín tuổi (29)**
Nghề nghiệp: **Quân-Nhân**
Cu-trà tại: **Phường Phú-Ninh Quận BA THỊ XÁ Hố**
Họ: **NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG-THẢO**
(Họ và tên)
Tuổi: **Mai mười bốn tuổi (24)**
Nghề nghiệp: **Nội trợ**
Cu-trà tại: **Phường Phú-Ninh Quận BA THỊ XÁ Hố**
Vợ: **Quang**
(Chức hay tên)
Người khai: **NGUYỄN-SĨ-TRÍ**
(Họ và tên)
Tuổi: **Mai mười chín tuổi (29)**
Nghề nghiệp: **Quân-Nhân**
Cu-trà tại: **Phường Phú-Ninh Quận BA THỊ XÁ Hố**
Ngày khai: **Mười một, tháng tư, năm một ngàn chín trăm**
sau mươi tám (11/4/1968)
Người chứng thư nhỏ: **HOÀNG-VAN-OL**
(Họ và tên)
Tuổi: **Bốn mươi tuổi (40)**
Nghề nghiệp: **Quân-Nhân**
Cu-trà tại: **KBC 4.699**
Người chứng thư nhỏ: **TUẤN-TẬP**
(Họ và tên)
Tuổi: **Ba mươi bảy tuổi (37)**
Nghề nghiệp: **Quân-Nhân**
Cu-trà tại: **KBC 4.699**

Họ và tên: **Phường Phú-Ninh** ngày **19 68**
Người khai: **NGUYỄN-SĨ-TRÍ** **TRỊCH LỰC** **Nhân chứng**
Huê: ngày **tháng** năm **1968**
Ủy-Việc Hộ-Lợi Quận Ba
HOÀNG-VAN-OL
TUẤN-TẬP
QUẬN-TRƯỞNG
QUẬN BA THỊ XÁ HỐ

NGUYỄN-SĨ-TRÍ

NGUYỄN-SĨ-TRÍ

TỈNH MINH-THUAN

QUẬN THANH-HẢI

XÃ KHÁNH-HẢI

123/71

Số hiệu



K H A I S A N H

Tên họ ấu nhi NGUYỄN-TRẦN-TRUNG

Phái NAM

Sanh (ngày tháng năm) 20.03.1971

~~Hai-mươi tháng ba, năm một ngàn chín-trăm bảy mươi mốt~~
Tại Xã Khánh-Hải, Quận Thanh-Hải, Tỉnh Minh-Thuan.

Cha (tên họ) NGUYỄN-SĨ-TRÍ

Tuổi 32 tuổi

Nghề nghiệp Quan-Nhơn

Cư trú tại KBC. 4465

Mẹ (tên, họ) NGUYỄN-THỊ-THƯỜNG-THẢO

Tuổi 25 tuổi

Nghề nghiệp Hai-trư

Cư trú tại Hình-Chữ, Khánh-Hải, Thanh-Hải, Ninh-Thuan.

Vợ (chánh hay thứ) Chính

Người khai (tên họ) NGUYỄN-SĨ-TRÍ

Tuổi 32 tuổi

Nghề nghiệp Quan-Nhơn

Cư trú tại KBC. 4465

Ngày khai 30. 03. 1971

Người chứng thứ nhất (tên họ) BÙ-VĂN-THUAN

Tuổi 28 tuổi

Nghề nghiệp Quan-Nhơn

Cư trú tại KBC. 7.011

Người chứng thứ nhì (tên họ) NGUYỄN-KHẮC-THƯỜNG

Tuổi 51 tuổi

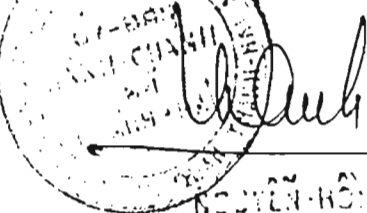
Nghề nghiệp Làm-biên

Cư trú tại Hình-Chữ

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

NINH-CHỦ HẠY SỐ 3.1971

ỦY-VIÊN HỒ-TỊCH XÃ KHÁNH-HẢI



NGUYỄN-HỒNG-THANH

Làm tại XÃ KHÁNH-HẢI ngày 30 tháng 03 năm 1971

Người khai,
NGUYỄN-SĨ-TRÍ
LÝ-TÊN

Hộ lại,
NGUYỄN-HỒNG-THANH
LÝ-TÊN VÀ DẤU

Nhân chứng
BÙ-VĂN-THUAN.
LÝ-TÊN
NGUYỄN-KHẮC-THƯỜNG
LÝ-TÊN



536

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI	NGUYEN-SI-HUNG
Phái	Nam
Sinh	ngày một tháng năm nam nam một ngàn chín trăm bảy mươi hai
(Ngày, tháng, năm)	01-5 1972
Tại	6 Co-Bac Nha Trang
Cha	NGUYEN-SI-TRI
(Tên, họ)	
Tuổi	1939
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	KBC- 3936
Mẹ	NGUYEN-THI-PHUONG-THAO
(Tên, họ)	
Tuổi	1946
Nghề-nghiep	noi-tro
Cư - trú tại	6 Co-Bac Nha Trang
Vợ chánh hay thứ	Chanh
Người khai	NGUYEN-SI-TRI
(Tên, họ)	
Tuổi	193 9
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	KBC-3936
Ngày khai	ngày 5 tháng 5 năm 1972
Người chứng thứ nhất	Vu-ngoc-Bien
(Tên, họ)	
Tuổi	1943
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	Kbc- 3936
Người chứng thứ nhì	Nguyen-ngoc-Hanh
(Tên, họ)	
Tuổi	1950
Nghề-nghiep	Quan-nhan
Cư - trú tại	KBC-3936

Làm tại Xã Khu-Pho Tan-Phuoc, ngày 05 - 5 năm 1972

NGƯỜI KHAI, HỌ - LẠI, NHÂN CHỨNG,
 Nguyen-si-Tri (ky ten) Chu-Tich Khu-Pho Kiem ho lai Vu-ngoc-Bien (ky ten)
 KIEU-VAN-THUY (an ky) Nguyen-ngoc-Hanh(ky ten)

TRƯỜNG SỞ BỘ NĂM 1972



KIEU-VAN-THUY

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh: PHÚ-YÊN

Quận: TUY-HÒA

Xã: TUY-HÒA

Phường

Số hiệu: 2029



TRÍCH - LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 24 tháng 4 năm 1973.

Tên họ đứa trẻ: NGUYỄN - SĨ - THẮNG
Con trai hay con gái: Con trai,
Ngày sanh: hai mươi hai, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi ba (22 - 04 - 1973).
Nơi sanh: Bình lợi, Tuy-hòa, Phú-yên,
Tên họ người cha: Nguyễn-sĩ-Tri
Tên họ người mẹ: Nguyễn-thị-phương-Thảo
Vợ chánh hay không: Vợ Chánh
Có hôn-thú: Có hôn thú
Tên họ người đứng khai: Nguyễn-sĩ-Tri

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Tuy-hòa Ngày 24 tháng 4 năm 1973



MIỄN LỆ-PHÍ

Bùi Khoa

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh: PHÚ-YÊN

Quận: TUY-HOÀ

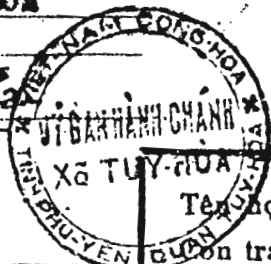
Xã: TUY-HOÀ

Phường:

Số hiệu: 932

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 07 tháng 5 năm 1974.



Tên họ đưa trẻ: NGUYỄN TỊ TUY-AN

Con trai hay con gái: NỮ

Ngày sanh: Ngày bốn tháng Năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư (04/05/1974)

Nơi sanh: Bình-Phước, Tuy-hoà, Phú-yên

Tên họ người cha: Nguyễn Văn Trí

Tên họ người mẹ: Nguyễn Thị Phương-Thảo

Vợ chánh hay không: vợ chánh

Có hôn-thuê: Có 35 lập ngày 14-03-1966 tại Phường PhúVinh

Tên họ người đứng khai: Lê Văn Nhàn

MIỄN LỆ PHẢI

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 5 năm 1974
Ủy Ban Hành Chính
Xã TUY-HOÀ



Nguyễn Xuân Hùng

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
THI-XA-HUẾ
QUẬN: PHU-NGAI
XÃ: PHUONG PHU-VINH

TRÍCH-LỤC

CHỨNG - THỰC HÔN - THỦ

Số hiệu: 35

Tên, họ người chồng NGUYỄN SÍ-TRI

nghề-nghệp Quân-Nhân

sinh ngày mười hai tháng bảy năm 1939

tại Vĩnh-Dinh, Tỉnh Vĩnh-Thuận Phan-Rang

cư-sở tại Hương-Tuân, Hương-Trà, Thừa-Thiên

tạm-trú tại số 2 Đường Lê-Lợi, Cu-Xá Viện Đại-Học, Huế

Tên, họ cha chồng Nguyễn Sĩ-Ngo (Sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Đinh thị-Nhỏ (Chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Nguyễn thị Phương-Thảo

nghề-nghệp Học-Sinh

sinh ngày hai mươi tháng mười hai năm 1946

tại Đông-Xá, Hà-Đông, Bắc-Việt .

cư-sở tại -nt-

tạm trú tại số 2 Đường Lê-Lợi, Cu-Xá Viện Đại-Học, Huế

Tên, họ cha vợ Nguyễn-Hoạt (Sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Nguyễn thị-Giàu (Sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

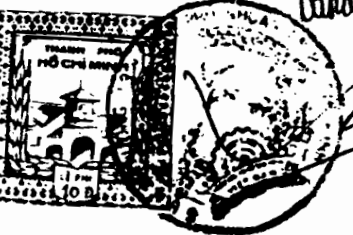
— Ngày cưới bốn, tháng tám, năm 1966

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế Không

ngày / tháng / năm /

tại /

Số: 280 / CNSV.
CHUNG NHÂN GIỒNG Y BẢN CHÍNH tại
Xuất trích từ UBND Phường 13
Ngày 10 tháng 3 năm 1968
Phường 13/PN.



Trần Khai Hoàng

Trích y bản chính

Phường Phú-Vinh, ngày 14 tháng 8 năm 1966

Viên chức Hộ-tịch



ĐỒ - ĐONG

BẢNG DANH SÁCH GIA ĐÌNH

mua ☒
 nước ☐
 gạo ☐

Ông/Bà NGUYỄN - Sĩ - Trí

Nhà số : 63/14/8 Trương-minh-Ký.-Tổ đoàn kết : 12 .-Vùng : 4

Khóm : 1 -PHƯỜNG TÂY BA. - QUẬN PHÚ-NHUẬN. GIA ĐỊNH .

Họ và tên	Nam -/Nữ	Ngày và năm sinh	Nguyên quán	Trình-độ văn-hóa	Tôn- giáo	NGHỀ - NGHIỆP		Liên-hệ gia-đình	CƯỚC - CHỦ
						Trước ngày 30/04/1975	Hiện nay		
NGUYỄN - Sĩ - Trí	Nam	12-7-1934	Ninh Thuận	Lớp 12	Phật	Quân Nhân	đi học lớp	Chồng	
NGUYỄN THỊ - PHƯƠNG-THẠ	Nữ	20-12-1946	Bà Rịa (B. Việt)	Lớp 10	-	dạy học miền	khô có lên dạy	Con	
NGUYỄN-Sĩ - QUANG	Nam	7-4-1968	Ninh Thuận	Lớp 2	-	học sinh	học sinh	Con	
NGUYỄN - TRẦN - TRUNG	Nam	20-5-1971	Ninh Thuận	Mẫu Giáo	-	-	-	-	
NGUYỄN - Sĩ - HÙNG	Nam	1-5-1972	-	-	-	-	-	-	
NGUYỄN - Sĩ - THẮNG	Nam	22-4-1973	-	-	Chưa đi học	-	-	-	
NGUYỄN - THỊ - TUY-AN	Nữ	2-5-1974	-	-	-	-	-	-	

L O P T U O I	NAM	NỮ
Từ 01 đến 15 tuổi	4	1
Từ 16 đến 28 tuổi		
Từ 29 đến 49 tuổi	1	1
Từ 50 tuổi sắp lên		

TRƯỞNG VÙNG

Trương Văn Bình

Thành-phố Hồ-Chí-Minh, ngày 16 tháng 11 năm 1975

TỔ-TRƯỞNG TỔ ĐK.
 (Ký tên)

Trương Văn Bình

K.T GIA-TRƯỞNG
 (Ký tên)

Nguyễn Thị Phương Thảo



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: NGUYEN SY THAO
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: 1) NGUYEN SY TRI
2) NGUYEN-SY PHAT 3) NGUYEN SY THUAN
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Me, Vở, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liễm: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thủ tụy, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE:

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BÔNG TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN SY TRI
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 12th 1939
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 63/14/8 LE-VAN-SY - PHUNHUAN
(Dia chi tai Viet-Nam) TP. HOCHIMINH, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): JUNE 15/1975 To (Den): FEB 13/1988

PLACE OF RE-EDUCATION: VINH-PHU (BAC VIET) (NORTH VIETNAM).
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LA BOUR

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): SINGAPOR. COMBAT INTELLIGENCE (SINGAPOR 1966)

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR (THIEU TA)

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): TUYAN'S CHIEF DIRECTOR
Date (nam): 1974-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____

I DID SENT 2 SETS OF APPLICATION FORM TO: IV Number (So ho so): _____
1) THE ODP OFFICE 127 PANTASHEM BUILDING SATHORN TAI ROAD No (Khong): _____
BANGKOK - 10120. AND 2) ODP AMERICAN AMBASSY (Box 58, APO SAN FRANCISCO 96345-001)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 63/14/8 LE VANSY
PHUNHUAN, TP. HOCHIMINH, VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
THAO SY-NGUYEN

CANADA

-U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
CANADA

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): OLD BROTHER

NAME & SIGNATURE: THAO SY-NGUYEN

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: MAY 15th 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN SY TRU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) NGUYEN THI PHUONG THAO	DEC 20/1946	WIFE
2) NGUYEN SY QUANG	APR 7/1968	SON
3) NGUYEN TRAN TRUNG	MAR 20/1971	SON
4) NGUYEN SY HUNG	MAY 01/1972	SON
5) NGUYEN SY THANG	APR 22/1973	SON
6) NGUYEN THI TUY AN	MAY 4/1974	DAUGHTER.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CLIS, MAR 20 1988

TO: THE DIRECTOR OF THE (ODP) ORDERLY DEPARTURE
PROGRAM AMERICAN EMBASSY ODP- BOX 58 APO
SAN FRANCISCO 96346-001

SUBJECT: REQUEST FOR REFUGEE TO THE USA UNDER
THE ODP.

Dear Sir

I UNDER SIGNED: NGUYỄN-SĨ-TRỊ; PLACE, DATE, OF
BIRTH: July 12th 1939- NINH THUAN PROVINCE

MARRITAL STATUS: Married and five children

EDUCATION: finished high school

HOME ADDRESS: 63/14/8/- Lê-văn-Sỹ. Q. Phú Nhuận
HCM city Việt-Nam

MAILING ADDRESS: NGUYỄN-SĨ-THẢO

CURRENT OCCUPATION: TO BE OUT OF WORK.

BEFORE APRIL 30th 1975

NAME: NGUYỄN-SĨ-TRỊ, DATE OF BIRTH: JULY 12th
1939 - NINH THUAN PROV.

SERIAL NUMBER: 59^A/404.355. RANK: MAJOR

OCCUPATION: G2 Chief of Phú Yên Sector
AFTER APRIL 30th 1975

RE. EDUCATION IN CONCENTRATION CAMPS FROM:

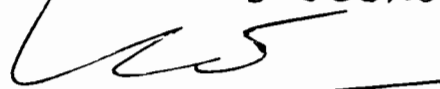
- JUNE 15th 1975

TO: FEBRUARY 13th 1988

I WISH TO BEG THE DIRECTOR OF ODP TO EXAMINE
MY SITUATION YOUR ASSISTANCE AND INTERVENTION
WITH VIETNAMESE AUTHORITIES UNDER AUSPICES
OF THE HNHCR IN ORDER I AND MY WIFE AND
CHILDREN MAY LEAVE V.N TO GO TO UNITED STATES
OF AMERICAN FOR THE PURPOSE OF SEEKING
A NEW LIFE.

PLEASE ACCEPT HER OUR DEEPLY GRATEFULL

RESPECT FULLY YOURS



NGUYỄN-SĨ-TRỊ

their address...
(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh...
giả-thú (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), gia...
(nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn
không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

BỘ NỘI VỤ
Trại **hải đảo**

Số **/HS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 101-QLTQ, ban hành theo công văn số 2903 ngày 27 tháng 11 năm 1982

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **64** ngày **4** tháng **2** năm **88**
của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn sĩ Tri** Sinh năm 19 **39**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Thừa Thiên**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **63/14/8 đường Nguyễn Văn Trỗi**

Can tội **Phủ nhận, P/Hồ Chí Minh. Thiếu tá trưởng ban quân áo, bộ chỉ huy chiến thuật Q3**

Bị bắt ngày **15/6/75** Án phạt **TTOT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **63/14/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, P/HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

Anh Tri đã có nhiều cố gắng trong học tập, lao động

và chấp hành nội quy cải tạo

Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**

Trước ngày **15** tháng **2** năm **1988**

Lấn tay ngón trở phải
của **Nguyễn sĩ Tri**

Danh bìn số _____

ở tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **3** tháng **2** năm **1988**

Trưởng trại

(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Số **212** /GNSV
CHUNG HÂN GIANG Y BAN CHÍNH
Xuat trình tại UBND Phường 13
Thị trấn Thủ Đức, TP HCM, ngày 1988



Nguyễn Văn Trỗi

MR DIRECTOR
ADJUTANT GENERAL
DAAG / AMR / S
ALEXANDRIA, V.A 2233a
- USA -

MR NGUYEN SI TRI
63/14/8 LE VAN SY STREET P.13 PHU
NHUAN DISTRICT HO CHI MINH CITY
VIET NAM

**SUBJECT : REQUEST FOR RE-ISSUEING COPIE OF MEDAL
AWARDING VERIFICATION CERTIFICATION .**

Dear Sir ,

A/- MY BRIEF IDENTIFICATION :

- 1)- My Name : NGUYEN SI TRI .
- 2)- Date and place of birth : July 12, 1939 Ninh Thuan Province.
- 3)- Currently permanent : 63/14/8 Lê Văn Sỹ Street Phú Nhuận
residence : District Ho chi Minh City .
- 4)- Mailing address : as above .
- 5)- Involvement With Former regime of Viet Nam :
 - a)- Time serving in the armed Forces : From : Sept 29/61 -
To : April 30/ 75 .
 - b)- Last rank : Major . Military serial number: 59A/404.355 .
 - c)- Last position title held : Tuy An District chief of
Phu Yen Province .
 - d)- Time spent in Re-education : From June 15/75 to : Feb
13/88 (12 years , 8 months
days .)

B/- THE MAIN ISSUE :

It's my privilege to submit this letter to request for your kindness of consideration to check out your old archives in 1968 to Re-issue me a copy of the general order in which my Name Was listed, as the recipient of a bronze star with "V" medal signed and pinned directly by General ZAIS, commanding General of the US 24th CORPS located at Gia Lê Base, Phu Bai, central Viet Nam, in April 1968 because the above ~~next~~ original order and then medal of mine had reportedly been lost during the Viet Nam War before 1975 .

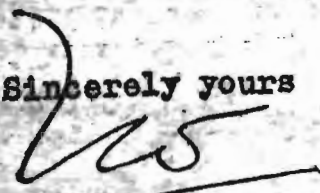
The result of my request may be informed directly either to me or my young brother in Canada :

- NGUYEN SI THAO ,

Meanwhile it is expected that you send the copy to the Orderly Departure Program in Bangkok Thailand to replenish my file .

Your attention to above suggestion is very highly appreciated and I am deeply grateful to you for it . Thank you very much , Sir .

Sincerely yours


NGUYEN SI TRI



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN Si TRI
Last Middle First

Current Address: 63/14/8 Ng. Văn Trỗi Phú Nhuận TP HCM -

Date of Birth: July 12 1929 Place of Birth: Ninh Thuận

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 16/15/75 To 02/13/88
Years: 12 Months: 8 mo Days: _____

Camp: Thu Duc

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon, ngày 12 / 7 / 1988

Kính gửi Bà Khuê-minh-Pho.

Chữ tích hội cựu gia đình tù nhân chính trị
Việt Nam tại Mỹ.

Kính thưa Bà; Tôi là: Nguyễn-Sĩ-Trai
Số quân: 59A/404.355. Sinh ngày 12.7.1939
tại kinh dinh tỉnh Ninh Thuận. Đã học
tập cải tạo tại trại 2300.K2. Hầm Tân Thuận
Hải. Đi cải tạo ngày 15.6.1975 với thớt ra Khố
hải ngày 13.2.1988. Trong dịp tết Mậu Thìn
1988 Kính thưa Bà; Nhân tôi đọc được
tờ báo VNTP/VN phát hành tại Mỹ, số 295
(số 295) đã đăng danh sách sĩ quan Viên chức
VNCT dưới thời trong dịp tết Mậu Thìn,
gồm có 968 người. Nhưng không có tên tôi
trong danh sách này. Theo tôi nghĩ, có
thể nhân việc chưa có danh sách tờ báo,
số thứ tự 919 và 951 (để sót tên 2 người)

Vậy có thể sót tên tôi trong 2 số thứ
tự trên - vậy tôi viết thư này kèm theo
lỗi số, đề bà có đầy đủ dữ kiện cần
thiết giúp đỡ cho tôi được ghi danh
thêm vào danh sách trên và Nhảy trước
hợp (thác tương tự). (OSP)

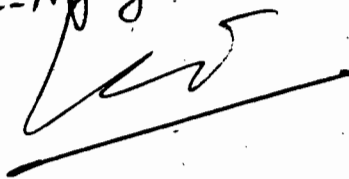
Kính mong bà thông cảm và hiểu cho
hoàn cảnh của tôi hiện nay. để tận tình

giúp đỡ cho tôi. Kính mong hồi âm
của bà, khi có kết quả. /.

Tôi và gia đình rất cảm ơn bà
nhiều

Kính thư -

lưu Thiệu Hào - Nguyễn Sĩ Trí



Xin đính kèm

1/ Giấy ra hàng

2/ Questionnaire for APP APPLICANTS

Địa chỉ =

Nguyễn Sĩ Trí

Số 63/14/8 - Lê Văn Sỹ

P13. Q. Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

Việt Nam

S6 _____ /HS

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-00405
hành theo công văn số
2565 ngày 27 tháng 11
năm 1972

[illegible]

SUSLD

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thủ hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 1 tháng 2 năm 20

của Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Văn Trí Sinh năm 19 39

Các tên gọi khác

Nơi sinh Thị Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 63/14/8 đường Nguyễn Văn Trỗi

Phụ trách, P/Hồ Chí Minh.
Cán tới: Tiến tá trưởng ban quản áo, bộ chỉ huy chiến thuật 03

Bị bắt ngày 15/6/73 An phát TTQT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____.

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 63/14/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Anh Trí đã có nhiều cố gắng trong học tập, lao động

Và chấp hành hội quy của thôn

Tiền di hương đã cấp đủ tư trại về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nội quy trú

Trước ngày 15 tháng 2 năm 1988

Lăn tay ngón trở phải

Của Nguyễn Văn Bính

Danh bìn số

... ॥

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

Thượng trãi

(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Wuyen thi Ngoc Thieu

၁၈၇၁၃ ပုလဲ ကံး နှစ်
၁၈၇၁၃ နှစ် ၁၈၇၁၃
၁၈၇၁၃ နှစ် ၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃ ၁၅ ၁၈၇၁၃



၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

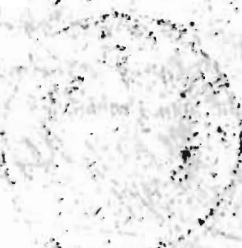
၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃

၁၈၇၁၃



MR DIRECTOR
ADJUTANT GENERAL
DAAG / AMR / S
ALEXANDRIA, V.A 22331
- USA -

MR NGUYEN SI TRI
63/14/8 LÊ VĂN SỸ STREET P.13 PHÚ
NHUẬN DISTRICT . HO CHI MINH CITY
VIET NAM

SUBJECT : REQUEST FOR RE-ISSUEING COPIE OF MEDAL
AWARDING VERIFICATION CERTIFICATION .

Dear Sir ,

A/- MY BRIEF IDENTIFICATION :

- 1)- My Name : NGUYEN SI TRI .
- 2)- Date and place of birth : July 12, 1939 Ninh Thuận Province.
- 3)- Currently permanent : 63/14/8 Lê văn SỸ Street Phú Nhuận
residence : District Ho chi Minh City .
- 4)- Mailing address : as above .
- 5)- Involvement With Former regime of Viet Nam :
 - a)- Time serving in the armed Forces : From : Sept 29/61 -
To : April 30/ 75 .
 - b)- Last rank : Major .Military serial number:59A/404.355 .
 - c)- Last position title held : Tuy An District chief of
Phu Yen Province .
 - d)- Time spent in Re-education : From June 15/75 to : Feb
13/88(12years , 8 months
_____ days)

B/- THE MAIN ISSUE :

It's my privilege to submit this letter to request for your kindness of consideration to check out your old archives in 1968 to Re-issue me in a copy of the general order in which my Name was listed, as the recipient of a bronze star with "V" medal signed and pinned directly by General BATE , commanding General of the US 24th CORPS located at Gia Lo Base , Phu Bai, central Viet Nam , in April 1968 because the above ~~was~~ original order and then medal of mine had reportedly been lost during the Viet Nam War before 1975 .

The result of my request may be informed directly either to me or my young brother in Canada :

- NGUYEN SI THAO ,

Meanwhile it is expected that you send the copy to the Orderly Departure Program in Bangkok Thailand to re-enrich my file .

Your attention to above suggestion is very- highly appreciated and I am deeply grateful to you for it . Thank you very much , Sir .

Sincerely yours

NGUYEN SI TRI

FROM: THAO SY NGUYEN



TO: MRS. KHUC MINH THO

P.O Box 5435 ARLINGTON V.A
22205, 0635 USA.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHUC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIEP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHUC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIEP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: NGUYEN SY THAO
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: 1) NGUYEN SY THO
2) NGUYEN SY PHAT 3) NGUYEN SY THUAN
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Me, Vợ, (Anh) Chì, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thủ từ, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE:

THAO NGUYEN
PHUNG THI NGUYEN

FIRSTBANK PLAN

PAY TO THE
ORDER OF

KHUC MINH THO
TWENTY

064

MAY 15th 1989

\$ 20.00

XY DOLLARS
100

Bank of Montreal
OXFORD & LINWOOD STS.
376 OXFORD ST. E.
LONDON, ONTARIO M5Y 3K2

[Signature]

COMPUTERIZED

Sept 1988

C O N T R O L :

~~Card~~
~~Doc. Request; Form~~
~~Release Order~~
~~Computer~~
☒ ~~Form "D"~~
~~ODP/Date~~
~~Membership; Letter~~

C O N T R O L

____ Card
X Doc. Request; Form H/20/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

form

FROM: THAO SY NGUYEN